

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÙNG KHÁNH  
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ - ST

Ngày 15/7/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bé Thị Thùy Linh;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Ngôn Thị Liêm và bà Lục Thị Tuyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Văn Noọng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:** Bà Nông Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/01/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HN&GD ngày 03 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị H, sinh năm 1992. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nông Văn H1, sinh năm 1987. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: xóm B - Khu Ô, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 08 tháng 01 năm 2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Nông Thị H trình bày: Chị và anh H1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng vào ngày 10/3/2015, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi

cho theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, hai anh chị có 02 con chung, con lớn tên Nông Duy A, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2010; con nhỏ tên Nông Huyền T, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2019. Trong quá trình chung sống, xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh H1 nghiện ma túy nên bán hết của cải trong gia đình, nhiều lần đánh chị, hai vợ chồng đã sống ly thân từ 30/4/2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm không còn, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh H1; Về con chung chị yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị H yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, bị đơn anh Nông Văn H1 trình bày: Anh xác nhận thời gian kết hôn, con chung, thời gian sống ly thân đúng như chị H đã trình bày, hiện nay con lớn đang ở với anh, con nhỏ ở với chị H. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng có xảy ra cãi chửi nhau, chị H cho rằng anh nghiện ma túy nhưng tại thời điểm hiện nay anh không còn sử dụng và đã cai nghiện được hơn 02 năm nay; còn đối với việc chị H cho rằng anh đánh đập chị anh khẳng định, việc đánh chị H cách đây đã 03 năm. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị. Anh cho rằng sau khi chị H đi làm công nhân quay về thì thay đổi và đến tháng 4 năm 2023 thì sống ly thân với anh; về con chung anh mong muốn được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung trưởng thành, trong trường hợp ly hôn anh yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi hai con chung 1.000.000 đồng/ tháng/02 con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 3 năm 2024, nội dung thể hiện cháu Duy A có nguyện vọng được ở với mẹ vì bố cháu có sử dụng ma túy.

Tại biên bản xác minh ngày 20 tháng 3 năm 2024 tại xóm B - Khu Ô, nội dung thể hiện: Chị H và anh H1 sinh sống tại xóm, trong quá trình vợ chồng chung sống có việc xảy ra vợ chồng chửi nhau. Tuy nhiên, việc chị H bị anh H1 đánh đập thì bản thân chị H, anh H1 cũng như gia đình hai bên không có ý kiến hay nhờ xóm can thiệp giải quyết. Đối với ý kiến chị H cho rằng anh H1 nghiện ma túy, trước đó có sử dụng nhưng khoảng 02 năm nay không sử dụng và hàng xóm, láng giềng, họ hàng gia đình không phản ánh gì; về con chung, hai vợ chồng có 02 con chung, hiện nay cháu lớn Duy A ở với anh H1, còn cháu nhỏ Huyền T ở với chị H và ông bà ngoại đều cùng xóm B - Khu Ô.

Tại biên bản xác minh ngày 20 tháng 3 năm 2024 tại Công an xã Đ, nội dung thể hiện: tại thời điểm xác minh, anh Nông Văn H1 không thuộc diện trong

danh sách quản lý người nghiện sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành tốt nội quy cư trú.

***Tại phiên tòa:***

Nguyên đơn xác định không có tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm. Về quan hệ hôn nhân, giữ nguyên yêu cầu được ly hôn; về con chung thay đổi yêu cầu, yêu cầu được nuôi con nhỏ Nông Huyền T; giao con lớn Nông Duy A cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con hàng tháng; về tài sản chung nhất trí giao chiếc xe mô tô hiện nay chị đang sử dụng có biển kiểm soát 11K1 161.54 cho anh H1 quản lý sử dụng, các tài sản chung khác không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không có ý kiến gì thêm.

Bị đơn xác định không có tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm và giữ nguyên ý kiến theo nội dung các phiên hòa giải về quan hệ hôn nhân, không đồng ý ly hôn; trong trường hợp ly hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung nhất trí theo ý kiến của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật, không có gì sai phạm. Quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với anh Nông Văn H1.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Nông Duy A, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2010 cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị H. Giao con chung Nông Huyền T, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2019 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh H1. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi

con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được giải quyết theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H, anh H1 giao chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11K1 161.54 cho anh H1 quản lý, sử dụng. Ngoài ra, các tài sản chung khác không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đề nghị xem xét;

- Về án phí: Buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đề sung vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị H đã nộp đủ;

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị H và anh H1 có hộ khẩu thường trú đều ở xóm B - Khu Ô, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Chị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng giải quyết ly hôn, nuôi con chung của anh chị, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì quan hệ tranh chấp là Ly hôn, tranh chấp nuôi con và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là quan hệ hợp pháp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 3 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Xét thấy, về mặt tình cảm vợ chồng, thực tế đã có cuộc sống chung gần 10 năm và đã có với nhau 02 con chung.

Nguyên nhân, lý do xin ly hôn theo chị H trình bày là do: hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, anh H1 nghiện ma túy và nhiều lần đánh đập chị, đồ đạc trong nhà cũng đem bán. Hiện nay chị đã về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ và hai vợ chồng cũng đã sống ly thân được gần 01 năm. Tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh H1 cũng xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh trước đó có nghiện ma túy nhưng đã cai được hơn 02 năm nay, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân được gần 01 năm và không còn quan tâm, hỏi han lẫn nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: cả chị H và anh H1 đều xác nhận trong quá trình chung sống, hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh H1 cũng đã từng nghiện ma túy, mặc dù anh H1 cho rằng đã cai nghiện được hơn hai năm nay; hai vợ chồng đã sống ly thân được hơn 01 năm, không còn quan tâm, hỏi han, anh H1 không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp để khắc phục tình trạng hôn nhân. Do đó, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh hành đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh H1 có 02 con chung, Nông Duy A, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2010, Nông Huyền T, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2019. Hiện nay con lớn ở với anh H1, con nhỏ ở với chị H tại nhà ông bà ngoại và đều trú tại xóm B - Khu Ô, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nông Huyền T, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2019 đến tuổi trưởng thành và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh H1; giao con chung Nông Duy A, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2010 cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị H. Anh H1 nhất trí với ý kiến của chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy, nơi cư trú của cả chị H và anh H1 đều ở tại xóm B - Khu Ô, con lớn Nông Duy A hiện vẫn đang ở với bố, con nhỏ Nông Huyền T vẫn đang ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chung cần giao con chung Nông Duy A cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế); giao cháu Nông Huyền T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) là hoàn toàn phù hợp với thực tế về nơi ăn, ở, sinh hoạt của các cháu, cũng như nguyện vọng của cả chị H và anh H1, tạo sự ổn định về cuộc sống sinh hoạt cho cả chị H, anh H1 và các cháu; việc không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cho cả hai bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên cần được chấp nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được giải quyết theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H, anh H1 giao chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11K1 161.54 cho anh H1 quản lý, sử dụng. Ngoài ra, các tài sản chung khác các đương sự đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị H được ly hôn với anh Nông Văn H1.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Nông Duy A cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế); giao cháu Nông Huyền T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành

viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được giải quyết theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H, anh H1 giao chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11K1 161.54 cho anh H1 quản lý, sử dụng. Ngoài ra, các đương sự đều thống nhất các tài sản chung khác, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nông Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận, chị Nông Thị H đã nộp đủ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002639 ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã Đàm Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

**Bế Thị Thùy Linh**

